

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Công ty

Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 5 năm 2005 và thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 10 năm 2007.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Châu	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Ủy viên
Ông Phạm Bá Vượng	Ủy viên
Ông Đỗ Đình Long	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2009 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Văn Châu	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Đình Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang số 05 đến trang số 22 kèm theo.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Quốc tế More Stephens tại Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

10
H
K
M
10

Số: **223** /2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		55.115.496.487	52.356.216.911
I- Tiền	110		3.028.872.403	4.110.538.187
1. Tiền	111	5.1	3.028.872.403	4.110.538.187
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.503.537.920	28.209.363.603
1. Phải thu khách hàng	131		29.966.818.664	26.755.470.986
2. Trả trước cho người bán	132		128.175.783	41.345.583
4. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.408.543.473	1.412.547.034
IV- Hàng tồn kho	140		16.769.349.402	17.018.054.529
1. Hàng tồn kho	141	5.3	16.769.349.402	17.018.054.529
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.813.736.762	3.018.260.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55.123.670	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.758.613.092	3.018.260.592
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		4.306.848.546	4.445.433.583
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		3.626.680.155	3.489.859.861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	3.295.430.361	3.471.969.497
- Nguyên giá	222	5.5	5.912.474.940	5.846.476.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	5.5	(2.617.044.579)	(2.374.506.872)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	331.249.794	17.890.364
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		680.168.391	955.573.722
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	680.168.391	955.573.722
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		59.422.345.033	56.801.650.494

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		46.428.469.919	44.488.690.580
I- Nợ ngắn hạn	310		45.978.091.236	44.337.072.692
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	7.777.336.000	2.641.407.000
2. Phải trả người bán	312		3.185.014.423	3.931.076.522
3. Người mua trả tiền trước	313		21.229.118.592	22.216.496.866
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	3.918.179.556	3.329.569.372
5. Phải trả người lao động	315		3.007.139.141	1.648.963.841
6. Chi phí phải trả	316	5.10	3.781.137.427	8.873.532.536
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	2.989.168.681	1.840.185.496
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		90.997.416	(144.158.941)
II- Nợ dài hạn	330		450.378.683	151.617.888
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		176.452.138	151.617.888
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		273.926.545	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		12.993.875.114	12.312.959.914
I- Vốn chủ sở hữu	410		12.993.875.114	12.312.959.914
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.12	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.12	1.542.301	1.542.301
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.12	915.186.295	542.390.485
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.12	87.832.104	53.032.365
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.12	1.989.314.414	1.715.994.763
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		59.422.345.033	56.801.650.494



Đặng Văn Châu
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Thị Thu Huyền
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	31.377.778.847	25.526.246.073
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.13	534.522.292	40.776.891
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.13	30.843.256.555	25.485.469.182
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	23.501.415.984	18.898.556.528
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.341.840.571	6.586.912.654
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		65.543.060	63.572.221
7. Chi phí tài chính	22	5.15	382.246.439	179.565.985
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		382.246.439	179.565.985
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.16	4.703.149.755	4.230.775.907
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.321.987.437	2.240.142.983
11. Thu nhập khác	31	5.17	1.532.833.003	32.405.059
12. Chi phí khác	32	5.18	1.663.158.444	262.258.308
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(130.325.441)	(229.853.249)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.191.661.996	2.010.289.734
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	202.347.582	294.294.971
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.989.314.414	1.715.994.763
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	1.989	1.716



Đặng Văn Châu
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2009

Nguyễn Thị Thu Huyền
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.191.661.996	2.010.289.734
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	242.537.707	259.713.250
- Các khoản dự phòng	03		50.441.782
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(65.543.060)	(63.572.221)
- Chi phí lãi vay	06	382.246.439	179.565.985
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.750.903.082	2.436.438.530
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.085.526.817)	(9.014.556.358)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	248.705.127	(1.442.968.547)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.464.874.941)	10.364.972.363
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	220.281.661	103.644.350
- Tiền lãi vay đã trả	13	(382.246.439)	(179.565.985)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(168.778.659)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(22.242.857)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.903.779.843)	2.267.964.353
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(379.358.001)	(706.898.242)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	65.543.060	63.572.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(313.814.941)	(643.326.021)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.770.929.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.635.000.000)	(27.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.000.000.000)	(672.103.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.135.929.000	(699.103.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.081.665.784)	925.535.332
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.110.538.187	3.185.002.855
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	3.028.872.403	4.110.538.187



Đặng Văn Châu
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Thị Thu Huyền
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Công chính Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/5/2005; thay đổi lần thứ 2 ngày 23/10/2007.

Tên giao dịch quốc tế: Hanoi Consultant and Construction Investment Joint Stock Company
Tên viết tắt: CCIC

Trụ sở giao dịch của Công ty: số 21, phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần nhất là 10.000.000.000 đồng. Các cổ đông sáng lập theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 và lần thứ 2 bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú</u>	<u>Số cổ phần</u>
1.	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô Thị	Số 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	300.000
2.	283 cổ đông khác		700.000

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chủ yếu

- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thí nghiệm xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của đất đá nền móng các công trình xây dựng, khảo sát kinh tế - xã hội và điều tra lưu lượng giao thông.
- Lập quy hoạch các khu đô thị, khu công nghiệp và quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng.
- Lập dự án tiền khả thi, dự án khả thi và lập tổng dự toán các công trình: Kiến trúc dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp - thoát nước, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, xử lý kỹ thuật môi trường, cung cấp điện dân dụng và chiếu sáng công cộng.
- Thiết kế kỹ thuật các công trình:
- Tư vấn thẩm định lập dự án và tổng mức đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình.
- Tư vấn thẩm định dự án như: Tư vấn giám sát kỹ thuật (tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông, giám sát thi công), tư vấn lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ địa chính và cắm mốc giải phóng mặt bằng.
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ công cộng, dịch vụ giao thông vận tải, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch khách sạn.
- Đầu tư xây dựng các khu đô thị, công nghiệp, du lịch, vui chơi giải trí (trừ các loại hình vui chơi, giải trí nhà nước cấm), phát triển nhà ở và kinh doanh bất động sản.
- Thực hiện tổng thầu EPC, BOT, BT các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyển giao công nghệ mới các công trình: Kiến trúc dân dụng, nhà ở, giao thông, thủy lợi các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị.
- Đánh giá chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng, đánh giá tác động môi trường, quan trắc biến dạng công trình.
- Lập quy hoạch hệ thống giao thông, các công trình văn hóa, di tích, thể thao, vui chơi giải trí.
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình xây dựng.
- Phân tích đánh giá lựa chọn nhà thầu, kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng và công trình xây dựng.
- Dịch vụ quảng cáo và dịch vụ vui chơi giải trí: kinh doanh điện lực.
- Thiết kế công trình xây dựng biển.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chủ yếu (Tiếp theo)

- Thiết kế công trình cảng đường thủy.
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện.
- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình.
- Thi công xây dựng và thực nghiệm chuyển giao công nghệ mới các công trình văn hóa, hạ tầng xã hội, thủy điện.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2009 là tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các văn sửa đổi của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

COO
TY
NH
ÁN
M
HÀ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chờ phân bổ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

H
K
V
S

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm đầu kể từ khi có lãi và giảm thuế trong 2 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 25%.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

10
C
P
M
T
ÁY

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	668.295.758	1.732.746.245
Tiền gửi ngân hàng	2.360.576.645	2.377.791.942
Tổng	3.028.872.403	4.110.538.187

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	222.070.000	376.400.000
Phải thu các Chủ nhiệm đồ án	116.556.726	28.667.196
Phải thu người lao động	59.916.970	358.929.975
Phải thu khác	1.009.999.777	648.549.863
Tổng	1.408.543.473	1.412.547.034

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.769.349.402	17.018.054.529
Tổng	16.769.349.402	17.018.054.529

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	3.758.613.092	3.018.260.592
Tổng	3.758.613.092	3.018.260.592

00
 3
 JA
 TO
 NA
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

(Đơn vị tính: VND)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2009	3.042.912.198	437.252.012	1.797.319.545	568.992.614	5.846.476.369
Tăng trong năm	-	-	-	65.998.571	65.998.571
Mua trong năm	-	-	-	65.998.571	65.998.571
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	<u>3.042.912.198</u>	<u>437.252.012</u>	<u>1.797.319.545</u>	<u>634.991.185</u>	<u>5.912.474.940</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2009	549.801.829	400.333.364	952.319.455	472.052.224	2.374.506.872
Tăng trong năm	61.855.512	12.306.216	117.333.887	51.042.092	242.537.707
Khấu hao trong năm	61.855.512	12.306.216	117.333.887	51.042.092	242.537.707
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	<u>611.657.341</u>	<u>412.639.580</u>	<u>1.069.653.342</u>	<u>523.094.316</u>	<u>2.617.044.579</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2009	<u>2.493.110.369</u>	<u>36.918.648</u>	<u>845.000.090</u>	<u>96.940.390</u>	<u>3.471.969.497</u>
Tại 31/12/2009	<u>2.431.254.857</u>	<u>24.612.432</u>	<u>727.666.203</u>	<u>111.896.869</u>	<u>3.295.430.361</u>

5.6 Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	17.890.364	-
Tăng	313.359.430	17.890.364
Kết chuyển tài sản cố định	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>331.249.794</u>	<u>17.890.364</u>

Chi tiết số dư:

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Trụ sở Văn phòng Công ty tại phường Yên Hòa	331.249.794	17.890.364
	<u>331.249.794</u>	<u>17.890.364</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày 1 tháng 1	700.505.981	939.778.226
Tăng	226.948.753	512.817.316
Phân bổ vào chi phí trong năm	247.286.343	497.021.820
Tại ngày 31 tháng 12	680.168.391	955.573.722

Chi tiết số dư:

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Lợi thế thương mại nhà 21 Huỳnh Thúc Kháng	609.207.476	649.286.920
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ	70.960.915	67.616.107
Chi phí khác	-	238.670.695
Tổng	680.168.391	955.573.722

5.8 Vay ngắn hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam- Chi nhánh Chương Dương	2.375.929.000	-
Vay cá nhân	5.401.407.000	2.641.407.000
Tổng	7.777.336.000	2.641.407.000

Vay ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTD/NHCTCD-CCIC ngày 15/01/2009, hạn mức 5 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất 10%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng giá trị còn lại của tài sản trên đất và lợi thế thương mại tại 21 Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội.

Vay cá nhân là các khoản vay của cán bộ công nhân viên trong Công ty, lãi suất và thời hạn được quy định trong từng hợp đồng cụ thể.

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.328.334.831	2.981.330.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp	202.110.242	168.778.659
Thuế thu nhập cá nhân	122.358.710	33.466.596
Các loại thuế khác	265.375.773	144.493.973
Tổng	3.918.179.556	3.329.569.372

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	29.557.985	85.258.985
Trích trước chi phí phải trả các hợp đồng khảo sát, tư vấn thiết kế	2.819.240.681	7.212.330.380
Trích trước chi phí phải trả hợp đồng xây lắp	932.338.761	1.381.330.427
Chi phí phải trả khác	-	194.612.744
Tổng	3.781.137.427	8.873.532.536

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.378.454	5.957.095
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	95.613.497	66.532.092
Phải trả về cổ phần hóa	376.400.000	376.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.504.776.730	1.391.296.309
<i>Trong đó: phải trả các chủ nhiệm đồ án</i>	<i>1.877.768.078</i>	<i>1.121.799.300</i>
Tổng	2.989.168.681	1.840.185.496

5.12 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	3.000.000.000	3.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	7.000.000.000	7.000.000.000
Tổng	10.000.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Biến động vốn chủ sở hữu

(Đơn vị tính: VND)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2008	10.000.000.000	1.542.301	246.108.506	25.566.787	1.058.149.929	11.331.367.523
Tăng trong năm	-	-	296.281.979	27.465.578	1.715.994.763	2.039.742.320
Phân phối lợi nhuận	-	-	296.281.979	27.465.578	-	323.747.557
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	1.715.994.763	1.715.994.763
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.058.149.929	1.058.149.929
Chia cổ tức	-	-	-	-	630.750.000	630.750.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	427.399.929	427.399.929
Số dư tại 31/12/2008	10.000.000.000	1.542.301	542.390.485	53.032.365	1.715.994.763	12.312.959.914
Số dư tại 01/01/2009	10.000.000.000	1.542.301	542.390.485	53.032.365	1.715.994.763	12.312.959.914
Tăng trong năm	-	-	372.795.810	85.799.739	1.989.314.414	2.447.909.963
Phân phối lợi nhuận	-	-	372.795.810	85.799.739	-	458.595.549
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	1.989.314.414	1.989.314.414
Giảm trong năm	-	-	-	51.000.000	1.715.994.763	1.766.994.763
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	715.994.763	715.994.763
Giảm khác	-	-	-	51.000.000	-	51.000.000
Số dư tại 31/12/2009	10.000.000.000	1.542.301	915.186.295	87.832.104	1.989.314.414	12.993.875.114

(ẤY)
T M O N
T M O N

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2009</u> VND	<u>Năm 2008</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.000.000.000	630.750.000

Cổ phiếu

	<u>Năm 2009</u> Cổ phiếu	<u>Năm 2008</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

Cổ tức

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính: chưa công bố

5.13 Doanh thu

	<u>Năm 2009</u> VND	<u>Năm 2008</u> VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế	29.938.926.323	25.127.462.073
Doanh thu xây lắp	1.235.380.524	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	203.472.000	398.784.000
Tổng	31.377.778.847	25.526.246.073
Các khoản giảm trừ doanh thu	534.522.292	40.776.891
Doanh thu thuần	30.843.256.555	25.485.469.182

5.14 Giá vốn

	<u>Năm 2009</u> VND	<u>Năm 2008</u> VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế	22.261.191.686	18.772.464.422
Giá vốn xây lắp	1.240.224.298	-
Giá vốn cho thuê Văn phòng	-	126.092.106
Tổng	23.501.415.984	18.898.556.528

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	65.543.060	63.572.221
Tổng	65.543.060	63.572.221

5.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.927.520.264	2.031.420.994
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	234.088.477	221.936.562
Chi phí khấu hao TSCĐ	171.179.257	199.354.607
Thuế, phí và lệ phí	43.894.735	146.453.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	465.202.772	494.256.692
Chi phí bằng tiền khác	861.264.250	1.137.353.503
Tổng	4.703.149.755	4.230.775.907

5.17 Thu nhập khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Xử lý các khoản chi phí trích trước	1.196.146.429	-
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	307.413.634	-
Thu nhập khác	29.272.940	32.405.059
Tổng	1.532.833.003	32.405.059

5.18 Chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Xử lý chi phí các công trình không còn khả năng ghi nhận doanh thu	1.277.902.601	-
Chi phí năm trước	238.670.695	-
Tiền phạt thuế	120.881.800	262.258.308
Các khoản chi phí khác	25.703.348	-
Tổng	1.663.158.444	262.258.308

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán	2.191.661.996	2.010.289.734
Các khoản điều chỉnh tăng	120.881.800	262.258.308
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.312.543.796	2.272.548.042
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>25%</i>	<i>28%</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	578.135.949	636.313.452
<i>Tỷ lệ miễn, giảm do ưu đãi cổ phần hóa</i>	<i>50%</i>	<i>50%</i>
Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	289.067.975	318.156.726
<i>Giảm 30% thuế TNDN theo Thông tư 03</i>	<i>86.720.392</i>	<i>23.861.754</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	202.347.582	294.294.971

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên cơ sở lợi nhuận kế toán đã loại trừ một số khoản điều chỉnh tăng, giảm. Việc xác định thu nhập chịu thuế được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 và các văn bản có liên quan khác. Trong trường hợp số thuế nêu trên có sự khác biệt với số thuế do cơ quan thuế quyết định, các chênh lệch sẽ được điều chỉnh bổ sung.

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.989.314.414	1.715.994.763
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.989.314.414	1.715.994.763
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.989	1.716



6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các nhân sự chủ chốt

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền lương, tiền thưởng	519.106.000	374.719.000

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị	-	429.332.221

6.2 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán. Một số số liệu được phân loại lại cho phù hợp với mục tiêu so sánh của năm nay.



Đặng Văn Châu
Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010



Nguyễn Thị Thu Huyền
Kế toán trưởng